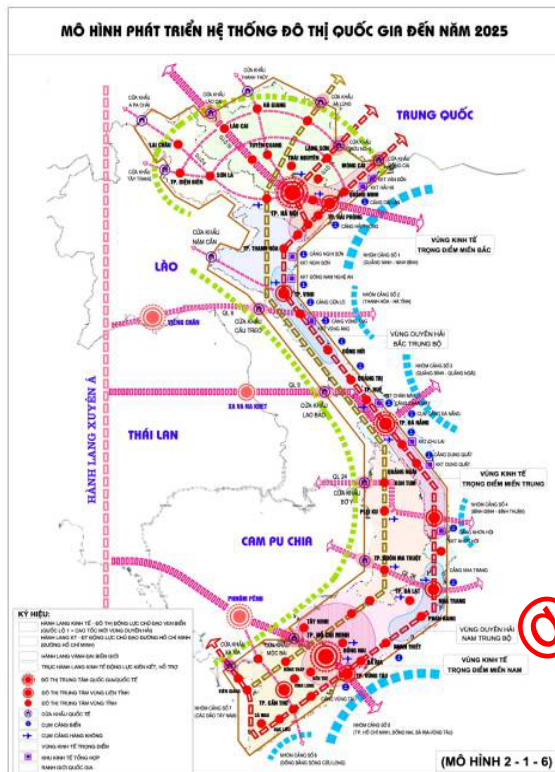


V.3.2. Mô hình phát triển hệ thống đô thị quốc gia

Căn cứ vào kịch bản lựa chọn, các đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, xu hướng và nguồn lực phát triển KT-XH quốc gia, đảm bảo an ninh quốc phòng, với quan điểm qui hoạch phát triển mạng lưới đô thị với một số ít đô thị lớn, đô thị cực lớn, nhiều đô thị vừa và hệ thống đô thị nhỏ phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị ở miền núi, dọc hành lang biên giới (phía Tây và Tây Bắc). Theo đó, Mô hình phát triển đô thị Việt Nam lựa chọn được phát triển theo cấu trúc mạng, chuỗi, dải và chùm đô thị gắn với các cực tăng trưởng chủ đạo và thứ cấp quốc gia trong mối liên kết tầng bậc, cấp, loại đô thị, được phân bố hợp lý theo các vùng và trên địa bàn cả nước. Mô hình phát triển này có quan hệ chặt chẽ với "Khung phát triển" lãnh thổ quốc gia (hình 45), bao gồm:

Hình 41. Mô hình phát triển hệ thống đô thị quốc gia đến 2025



Hai hành lang Kinh tế-Đô thị động lực chủ đạo theo hướng Bắc-Nam (Hành lang duyên hải gắn với chiến lược biển và hành lang đường Hồ Chí Minh);

Một hành lang vành đai biên giới (Việt Nam-Trung quốc, Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia) gắn với kinh tế cửa khẩu và an ninh quốc phòng;

Sáu trục hành lang Kinh tế-Đô thị động lực liên kết hỗ trợ theo hướng Đông-Tây gắn với các cực tăng trưởng quốc gia. Trong đó, các đô thị trung tâm cấp quốc gia (hoặc cấp khu vực) giữ vai trò là các đô thị động lực, cực tăng trưởng chủ đạo trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn vùng lãnh thổ quốc gia hoặc vùng liên tỉnh (Đô thị lớn hoặc cực lớn/Đô thị đặc biệt, đô thị loại I); các đô thị trung tâm cấp vùng liên tỉnh giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của một vùng lãnh thổ liên tỉnh, vùng tỉnh (Đô thị lớn hoặc trung bình/Đô thị loại I, II, III); là các đô thị đối trọng, liên kết hỗ trợ phát triển các đô thị trung tâm cấp quốc gia và thúc đẩy phát triển các đô thị trung tâm cấp tỉnh, các đô thị trung tâm cấp huyện (Đô thị trung bình hoặc nhỏ/Đô thị loại III, IV), tạo nên thế và lực trong tổng thể hệ thống đô thị toàn quốc và trên các hành lang, vành đai kinh tế động lực.

V.4. Định hướng qui hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia

V.4.1. Nguyên tắc tổ chức không gian

Xây dựng hài hoà, hợp lý hệ thống thành phố, thị xã, thị trấn nhiều cấp. Căn cứ vào trình độ công nghiệp hoá khác nhau giữa các khu vực, yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, điều kiện văn hoá, lịch sử và địa lý của sự phát triển đô thị để có định hướng, lập quy hoạch xây dựng các thành phố, thị xã trung tâm theo khu vực nhằm phát huy tác dụng của nó. Sự phát triển của các cực phát triển, các thành phố trung tâm vùng đô thị hoá phải hướng tới tiếp cận thị trường trong và quốc tế; quy hoạch xây dựng thành phố theo khu vực phải đảm bảo điều kiện về phát triển kinh tế, môi trường sinh thái và xã hội. Thành phố trung tâm phải phát huy được vai trò thúc đẩy kinh tế - xã hội toàn khu vực phát triển.

Kết hợp xây dựng các thành phố lớn, cực lớn, các thị xã lớn, vừa và nhỏ để hình thành hệ thống thành đô thị gồm 3 cấp là: Quốc gia, tỉnh, và huyện. Hệ thống các thành phố, thị xã này có mối liên hệ tác động lẫn nhau và cùng nhau phát triển một cách hài hoà, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đồng đều giữa các khu vực trên cả nước.

Phát triển hài hoà và có trọng tạo ra sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước, tăng cường sức cạnh tranh quốc tế. Đây là một trong những biện pháp quan trọng nhằm thực hiện chiến lược đô thị hoá.

V.4.2. Định hướng phát triển chung

Hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025 cơ bản được "Phát triển theo giai đoạn". Như đã phân tích ở phần lựa chọn kịch bản, cụ thể là từ nay đến 2015 ưu tiên 1 cho phát triển các Vùng kinh tế trọng



- Mạng lưới đô thị cả nước được hình thành và phát triển trên cơ sở các đô thị trung tâm, gồm thành phố trung tâm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế như: Thủ đô Hà Nội mở rộng, thành phố Hồ Chí Minh (đô thị cực lớn), các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng và Huế; thành phố trung tâm cấp vùng như: Hạ Long, Việt Trì, Thái Nguyên, Hòa Bình, Nam Định, Vinh, Nha Trang, Quy Nhơn, Buôn Ma Thuột, Biên Hòa, Vũng Tàu và Cần Thơ; các thành phố, thị xã trung tâm cấp tỉnh, bao gồm 5 thành phố trung tâm quốc gia, khu vực và quốc tế, 12 đô thị là trung tâm vùng tỉnh hoặc vùng liên tỉnh đã kể trên và các thành phố, thị xã tỉnh lỵ khác; các đô thị trung tâm cấp huyện, bao gồm các thị trấn huyện lỵ và các thị xã là vùng trung tâm chuyên ngành của tỉnh và các đô thị trung tâm cấp tiểu vùng, bao gồm các thị trấn là trung tâm các cụm khu dân cư nông thôn hoặc là các đô thị vệ tinh, đô thị đối trọng trong các vùng ảnh hưởng của đô thị lớn, cực lớn.

- Các đô thị trung tâm các cấp được phân bố hợp lý trên 6 vùng đô thị hóa cơ bản là: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc; Vùng Thủ đô Hà Nội và Duyên hải Bắc bộ; Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung; Vùng Tây Nguyên; Vùng Đông Nam Bộ và kinh tế trọng điểm phía Nam và Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

V.4.3.2. Các đô thị lớn, cực lớn

139

xung quanh thành phố Hồ Chí Minh còn được tổ chức thành các vùng đô thị lớn, trong đó Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh là các đô thị trung tâm-đô thị cực lớn.

- Đối với Hà Nội, là TP. Thủ đô, có diện tích tự nhiên trên 3300 km², năm 2025 có dân số khoảng trên 12 triệu người, là Thủ đô của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm chính trị-hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. Với lợi thế về vị trí địa lý- chính trị, có lịch sử phát triển lâu đời, có sức hút và tác động phát triển rộng lớn đối với Quốc gia và khu vực Bắc bộ, Thủ đô Hà Nội đồng thời là hạt nhân phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc và Vùng Hà Nội. với vai trò là một trung tâm kinh tế và đô thị hoá. Là đô thị đặc biệt có tính cạnh tranh cao, có vị thế trong khu vực và quốc tế. Thủ đô Hà Nội là đô thị cực lớn.

- Đối với TP. Hồ Chí Minh, có diện tích tự nhiên trên 2.000 km² với qui mô dân số năm 2020 giữ ở mức ổn định 10-12 triệu người, là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước; đầu mối giao lưu quốc tế, trung tâm công nghiệp, dịch vụ đa lĩnh vực, khoa học, công nghệ, đào tạo Quốc gia, khu vực Đông Nam á và Quốc tế. Ngoài ra TP. Hồ Chí Minh còn là trung tâm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng TP. Hồ Chí Minh. TP. Hồ Chí Minh là đô thị cực lớn.

- Đối với TP. Hải Phòng, là đô thị biển, thuộc đồng bằng sông Hồng và nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, cách thủ đô Hà Nội 102km về phía Đông, có diện tích 1.521.09 km², có dân số dự kiến năm 2025 khoảng 2,5 triệu người. TP. Hải Phòng là một trung tâm công nghiệp; Dịch vụ cảng, hàng không; Dịch vụ Du lịch, Thương mại-Tài chính; là cửa ngõ hướng biển của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, Quốc gia và khu vực Đông Nam á. Hải Phòng còn là đô thị hạt nhân chiến lược quan trọng trong phát triển KT-XH Vùng duyên hải Bắc bộ, với đặc điểm cấu trúc không gian của một đô thị Vùng kinh tế biển quốc tế Đông Nam á năng động, thân thiện và tiên tiến.

- Đối với TP. Vinh, là đô thị trung tâm, cực tăng trưởng vùng Bắc Trung bộ; trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ và các dịch vụ khác có tác động trên phạm vi vùng Bắc Trung bộ; trung tâm đào tạo nguồn nhân lực trọng điểm về khoa học công nghệ, văn hoá- thể thao và y tế của vùng; đầu mối giao thông cửa ra-vào quan trọng của vùng bắc trung bộ, cả nước và quốc tế. Năm 2025 dự kiến dân số khoảng trên 50 vạn người, là đô thị loại 1.

- Đối với TP. Huế, là đô thị di sản văn hóa thế giới, thành phố Festival mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế đặc trưng của Việt Nam; trung tâm văn hoá, du lịch của cả nước, trung tâm giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu của vùng miền Trung; gắn với khu KT Chân Mây-Lăng Cô, là một trong những cực tăng trưởng thứ cấp của vùng KTTĐMT. Năm 2025, TP. Huế có số dân khoảng 40-50 vạn người, là đô thị loại 1.

- Đối với TP. Đà Nẵng, là đô thị động lực của Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, là trung tâm kinh tế-xã hội lớn của Miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính viễn thông và tài chính - ngân hàng; một trong những trung tâm văn hóa-thể thao, giáo dục-đào tạo và công nghệ Miền Trung; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực Miền Trung và cả nước. Năm 2020, Đà Nẵng có số dân trên 1 triệu người, là đô thị loại 1.

- Đối với TP. Qui Nhơn (gắn với sự phát triển của khu KT Nhơn Hội), là trung tâm văn hoá, giao lưu kinh tế của khu vực Nam Trung bộ với Tây Nguyên; một trong những cực tăng trưởng thứ cấp của vùng KTTĐMT. Năm 2025 dự kiến dân số khoảng trên 55 vạn người, là đô thị loại 1.

- Đối với TP. Cần Thơ, là đô thị động lực, trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đô thị cửa ngõ hướng biển của tiểu vùng sông Mê Kông, là trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, giáo dục đào tạo và KHCN; trung tâm y tế, văn hóa; đầu mối giao thông của vùng, khu vực. Năm 2025 dự kiến dân số khoảng trên 1 triệu người, là đô thị loại 1.

c) Các chuỗi và chùm đô thị

c1) Bố trí tại các vùng đô thị hóa, bao gồm:

- Vùng Thủ đô Hà Nội và Duyên hải Bắc Bộ

+ Chùm đô thị Thủ đô Hà Nội mở rộng, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hoà Bình với Thủ đô Hà là đô thị trung tâm;

+ Chuỗi đô thị Móng Cái, Hải Hà, Vân Đồn, Hạ Long, Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Bình và Nam Định, với TP. Hải Phòng là đô thị trung tâm.

- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

+ Chùm đô thị Bắc Giang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Đồng Đăng, Bắc Kạn, Cao Bằng, với TP. Thái Nguyên là đô thị trung tâm (Vùng núi Đông Bắc Bộ);

+ Chuỗi đô thị Lào Cai, Sa Pa, Yên Bái, Phú Thọ, Việt Trì, với TP. Việt Trì là đô thị trung tâm; Các chùm đô thị Hà Giang, Việt Quang, Vị Xuyên và Tuyên Quang, Sơn Dương, Na Hang (Vùng núi Bắc Bắc Bộ);

- + Chuỗi đô thị Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, với TP. Điện Biên là đô thị trung tâm (Vùng núi Tây Bắc Bộ);
- Vùng Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung
- + Chuỗi đô thị Thanh Hóa, Sầm Sơn, Nghi Sơn, Cửa Lò, Vinh, Hồng Lĩnh và Hà Tĩnh, với TP. Vinh là đô thị trung tâm (Vùng Bắc Trung Bộ);
- + Các chuỗi đô thị Đồng Hới, Đồng Hà, Quảng Trị, Huế và Chân Mây; Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi và Qui Nhơn, với Chân Mây, TP. Đà Nẵng là đô thị trung tâm và TP. Qui Nhơn là đô thị trung tâm thứ cấp (Vùng Trung Trung Bộ);
- + Chuỗi đô thị Tuy Hoà, Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang Tháp Chàm và Phan Thiết, với cụm đô thị Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh là hạt nhân, trong đó TP. Nha Trang là đô thị trung tâm (Vùng Nam Trung Bộ).
- Vùng Tây Nguyên
- + Chùm đô thị KonTum, Playcu, Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa, Đà Lạt, Bảo Lộc với TP. Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm và TP. Đà Lạt là đô thị trung tâm thứ cấp;
- Vùng Đông Nam Bộ-kinh tế trọng điểm phía Nam
- + Chùm đô thị TP. Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Long Thành, Đồng Nai, Tây Ninh và Chuỗi đô thị Phú Mỹ, Bà Rịa-Vũng Tàu với TP. Hồ Chí Minh là đô thị trung tâm;
- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long
- + Chùm đô thị Cần Thơ, Vĩnh Long, Cao Lãnh, Long Xuyên với TP. Cần Thơ là đô thị trung tâm; Chuỗi đô thị Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau với Cà Mau là đô thị trung tâm;

c2) Bố trí dọc hành lang biên giới gần kinh tế cửa khẩu với an ninh quốc phòng, bao gồm:

+ Hành lang biên giới Việt Nam-Trung Quốc, gồm: chuỗi đô thị phía Đông (TP. Lạng Sơn, Đồng Đăng, Cao Bằng và Bắc Kạn với TP. Lạng Sơn là trung tâm); chuỗi đô thị phía Tây (gồm TX. Hà Giang, TP. Lào Cai, Lai Châu, A Pa Chải với TP. Lào Cai là đô thị trung tâm);

+ Hành lang biên giới Việt Nam-Lào, gồm: chuỗi Mường Lay, Điện Biên, Sơn La với TP. Điện Biên là đô thị trung tâm; Chuỗi đô thị Mường Xén, Cầu Treo, Lao Bảo, Bờ Y; + Hành lang biên giới Việt Nam-Cam Phú Chia, gồm: chuỗi Châu Đốc, Hà Tiên, khu đô thị cửa khẩu Hà Tiên; Chuỗi Mộc Bài, Xa Mát, Hoa Lư.

c3) Bố trí trên các tuyến hành lang Đông-Tây, gần phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng, bao gồm:

+ Chuỗi đô thị dọc hành lang QL70, QL18, QL5 (hành lang Côn Minh-Hà Nội-Hải Phòng), gần cửa khẩu Lào Cai với nhóm cảng biển số 1 (Từ Quảng Ninh đến Ninh Bình);

+ Chuỗi đô thị dọc hành lang QL8, gần cửa khẩu Cầu Treo (Hà Tĩnh) với nhóm cảng biển số 2 (Từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh);

+ Chuỗi đô thị dọc hành lang QL9 (hành lang Đông Tây), gần cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị) với nhóm cảng biển số 3 (Từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi);

+ Chuỗi đô thị dọc hành lang QL19, gần cửa khẩu Bờ Y (KonTum) với nhóm cảng biển số 4 (Từ Bình Định đến Bình Thuận);

+ Chuỗi đô thị dọc hành lang QL26, gần cửa khẩu Bu Phơ Răng (Đắc Nông) với nhóm cảng biển số 4;

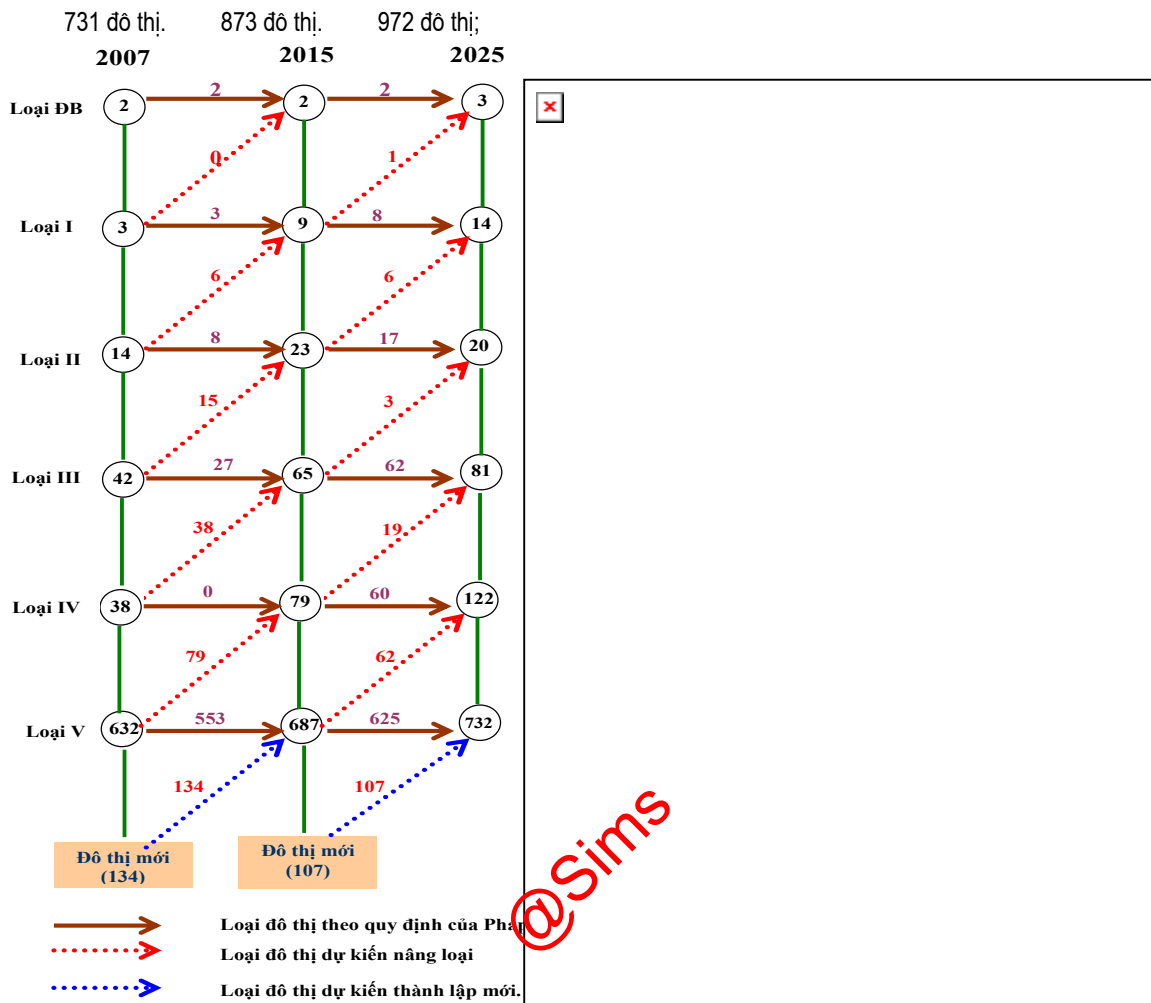
+ Chuỗi đô thị dọc hành lang QL22, gần cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) với nhóm cảng biển số 5 (Từ TP. Hồ Chí Minh đến Bà Rịa Vũng Tàu).

V.4.4. Xác định vị trí vai trò, tính chất, quy mô, cấp, loại đô thị trong hệ thống

V.4.4.1. Xác định tính chất và cấp quản lý đô thị

Chủ yếu là các đô thị loại đặc biệt, loại I (đô thị lớn hoặc cực lớn), trực thuộc Trung ương giữ vai trò là đô thị động lực, là cực tăng trưởng chủ đạo, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, tạo ra thế phát triển năng động cân bằng trên các vùng lãnh thổ quốc gia, khẳng định vị thế và vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới (chi tiết xem phụ lục 7b). Các đô thị trung tâm cấp quốc gia gồm: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Huế, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Cần Thơ đều là đô thị hạt nhân của các vùng kinh tế trọng điểm nước ta.

V.4.4.4. Các dự báo



Hiện trạng năm 1998, tổng số đô thị cả nước là 633 đô thị. Trong đó, thành phố trực thuộc Trung ương là 04 thành phố; thành phố thuộc tỉnh là 20, thị xã là 62 và thị trấn là 547;

Hiện trạng năm 2007, tổng số đô thị cả nước là 731 đô thị. Trong đó, có 02 đô thị loại đặc biệt, 03 đô thị loại I, 14 đô thị loại II, 42 đô thị loại III, 38 đô thị loại IV và 632 đô thị loại V (tăng 98 đô thị so với năm 1998);

Năm 2015, tổng số đô thị cả nước đạt 873 đô thị. Trong đó, đô thị đặc biệt là 02 đô thị; loại I là 9 (nâng 06 đô thị từ loại II lên loại I), loại II là 23 (nâng 15 đô thị từ loại III lên loại II), loại III là 65 (nâng 38 đô thị từ loại IV lên loại III), loại IV là 79 (nâng 79 đô thị từ loại I lên loại IV), và loại V là 687 (có khoảng 134 đô thị mới).

Đến 2025, tổng số đô thị cả nước đạt 972 đô thị, trong đó đô thị đặc biệt là 03 đô thị; loại I là 14 (nâng 08 đô thị từ loại II lên loại I), loại II là 20 (nâng 17 đô thị từ loại III lên loại II), loại III là 81 (nâng 19 đô thị từ loại IV lên loại III), loại IV là 122 (nâng 62 đô thị từ loại V lên loại IV), và loại V là 732 (có khoảng 107 đô thị mới).

Từ 2025 đến 2050, số lượng đô thị dự báo sẽ đạt ngưỡng 1000 đô thị. Giai đoạn này tập trung nâng cao chất lượng đô thị, không tăng thêm số lượng;

(Dự kiến nâng cấp xem phụ lục 7)